

**DANH SÁCH HOÀN TIỀN CTKM TẠI HỆ THỐNG SIÊU THỊ CO.OPMART, CO.OPXTRA
TỪ 02/11/2019 -19/01/2020**

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
1	NGUYEN TRUNG KIEN	4271xxxx2100	152,180
2	HA THI THANH BINH	4271xxxx6118	122,183
3	DO THAI NGOC PHUONG	4111xxxx4206	352,060
4	TRAN NGOC HUONG	4111xxxx0106	100,000
5	HOANG THI MINH HUONG	4111xxxx6137	51,745
6	DO THI THUY LINH	5305xxxx2101	105,830
7	HO THI TO LAN	4271xxxx7100	124,840
8	NGUYEN THI HUONG LAN	4111xxxx8105	63,222
9	LE THI BICH DIEP	4286xxxx7112	91,027
10	VO QUANG LIEN KHA	4111xxxx7115	61,736
11	HO THI THUY TRANG	4111xxxx3106	126,517
12	LE THI PHUC	4111xxxx3110	100,000
13	LUAN THI HONG DAO	5305xxxx3109	154,473
14	LE PHUONG	4111xxxx1102	92,970
15	TRUONG BACH HONG	4286xxxx4106	142,658
16	LE THI HUE	4271xxxx2104	165,822
17	DO THI VAN HONG	4286xxxx3104	50,948
18	PHAN MAN NHI	5305xxxx2101	200,000
19	TO THI AI THU	5305xxxx2101	400,000
20	TRUONG THI NGOC MAI	4286xxxx1118	61,868
21	NGUYEN THI HONG MY	4111xxxx5206	111,262
22	TA THI YEN NHI	4111xxxx2109	66,004
23	DUONG THI MY HANH	4286xxxx3108	80,680
24	NGUYENTHIHONGPHUONG	4111xxxx3103	100,000
25	TRAN ANH DAO	4111xxxx6104	189,023
26	DO HUU PHUC	4286xxxx7100	113,334
27	HOANG THI TRAN THUY	4111xxxx8106	100,000
28	DUONG VAN QUAN	4286xxxx4106	56,373
29	NGO THI THANH XUAN	4111xxxx9105	100,000
30	TRAN QUOC BAO	4271xxxx8103	150,028
31	NGUYEN THI HONG VAN	4286xxxx0112	272,145
32	NGUYEN THI BINH DUONG	4286xxxx9105	51,150
33	DO THI THUY HUONG	4286xxxx5103	61,965
34	TRAN THUY VAN	4111xxxx9102	100,000
35	LE THI TUONG VY	4271xxxx7105	262,108
36	NGUYEN NGOC YEN	4286xxxx7100	60,930
37	NGUYEN THI THU HOA	4286xxxx4125	150,580
38	HUYNH BACH TUYET	4286xxxx4114	100,000
39	NGUYEN THI TUAN TAM	4111xxxx2112	56,285
40	TRAN QUANG LAN	4111xxxx4105	78,920
41	PHAN THI MY HONG	4111xxxx3100	100,000
42	NGUYEN LE TUNG	4271xxxx1100	104,575

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
43	VO HONG QUOC HA	4111xxxx9108	71,044
44	NG HONG THI LAN HUONG	4111xxxx6127	50,655
45	LA THI CANG	4111xxxx6107	63,745
46	HUYNH THI KIEU OANH	4111xxxx8129	100,000
47	NGUYEN T BACH TUYET	4286xxxx9101	71,307
48	BUI THI THUAN YEN	4286xxxx6103	411,229
49	PHAM THI VAN ANH	4286xxxx8102	58,715
50	LUU THI HOA	4111xxxx4109	100,000
51	VU THI MINH NGHIA	4271xxxx4106	500,000
52	TRAN THI MAI LIEN	4111xxxx1111	500,000
53	THAI THI XUAN THAO	4111xxxx3107	100,000
54	CHAU NGOC MINH	5305xxxx3100	105,707
55	THAN THI VAN	4111xxxx0101	94,381
56	PHAM QUYNH NHU SUONG	4286xxxx1107	78,355
57	CHIEM HUONG LOI	5305xxxx8115	200,000
58	NGUYEN PHAM QUOC VU	4286xxxx4102	100,000
59	VUONG THI NGOC KHANH	4286xxxx0107	80,387
60	PHAN THI THU	4271xxxx8101	166,047
61	NGUYEN TON MY AN	4271xxxx8207	120,840
62	HUYNH MINH HAI	4271xxxx4108	365,291
63	PHAM THI BICH	4271xxxx7114	154,160
64	NGUYEN THI MINH TRANG	4111xxxx9101	57,628
65	DANG QUANG HUNG	4271xxxx9103	120,081
66	LE THANH NHAN	4111xxxx6101	59,433
67	TRUONG CONG HAO	4286xxxx2107	70,827
68	PHAN MINH PHU	4111xxxx4101	81,444
69	NGUYEN T PHUONG OANH	4111xxxx9108	100,000
70	LE THI NGHIA	4111xxxx7105	300,000
71	HUYNH THI THANH	4111xxxx1118	392,969
72	H N KY THUAT	4111xxxx6107	83,430
73	DUONG THI CAM TU	4271xxxx8104	426,373
74	LE THI BICH	4286xxxx3110	64,666
75	LE THI THANH BINH	4286xxxx5108	67,615
76	NGUYEN THI MONG VAN	4286xxxx6110	100,000
77	NGUYEN THI MY NGOC	4111xxxx2101	146,517
78	DINH MANH HA	4111xxxx5103	100,000
79	NGUYEN HUNG VUONG	4271xxxx2104	200,000
80	NGUYEN THI DUYEN	4111xxxx5209	100,000
81	PHAN NGOC PHUONG	4286xxxx0105	88,848
82	NGUYEN HOANG OANH	4111xxxx4108	76,720
83	LE THI MY LAN	5305xxxx7203	153,968
84	HOANG NGUYEN VU	4286xxxx2107	291,966
85	LE THANH THUY	5305xxxx5106	200,000
86	NGUYEN THI PHUONG	4286xxxx6107	72,745

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
87	DOAN THI HONG VAN	4271xxxx2105	110,024
88	HUYNH MAI LONG	4111xxxx8118	146,000
89	NGUYEN THANH TRUC	4286xxxx7102	69,645
90	LUU THUY HAI	4286xxxx0108	54,040
91	PHAM THI XUAN THU	4271xxxx7101	309,366
92	HUYNH MINH SON	4111xxxx0104	93,925
93	HUYNH THI MINH HONG	4111xxxx6112	89,705
94	NGUYEN KIM CHINH	4111xxxx2110	55,157
95	VO THI NGUYEN	4111xxxx9109	100,000
96	LE VIET HA	4286xxxx3103	64,003
97	VO THI NHU HANG	4111xxxx8105	52,110
98	TRUONG THI KIM YEN	4111xxxx1153	55,900
99	DOAN THI DIEU LINH	4286xxxx2101	56,376
100	DANG BICH THUY	4286xxxx7113	500,000
101	LE THI THU HA	4111xxxx4116	54,155
102	NGUYEN NGOC THAI	4111xxxx1103	133,471
103	TRONG MANH QUAN	4111xxxx9108	100,000
104	TO THI MINH NGUYET	4286xxxx1104	100,000
105	TA THI VIET HOA	4111xxxx1109	61,390
106	DANG THI THU HA	4111xxxx9105	100,000
107	LE THI BINH	4286xxxx6121	55,501
108	PHAN TRAN BAO BAO	4286xxxx2105	69,794
109	VU THI ANH TUYET	4111xxxx4105	55,630
110	LE THI THANH PHU	4286xxxx7107	60,950
111	TRAO AN QUI	4111xxxx2103	200,000
112	LY TRONG HUY	4286xxxx6109	93,676
113	DOAN THI DOAN	4286xxxx2101	72,810
114	HO TRUNG DONG	4111xxxx1105	100,000
115	NGUYEN HOANG NHAT AI	4286xxxx8109	200,000
116	NGUYEN TIEN DUNG	4111xxxx0100	100,000
117	DOAN THI LE THU	4111xxxx7100	78,022
118	DIEN THANH TOAN	4286xxxx9105	91,260
119	LE NHAT THU	4286xxxx7102	100,000
120	NGUYEN DUC THINH	5305xxxx2101	110,400
121	NGUYEN THI HOA	4111xxxx4105	180,495
122	NGUYEN DINH PHUC	4111xxxx5106	61,984
123	NGUYEN SI HUNG	4111xxxx9100	100,000
124	TRAN THANH HUNG	4111xxxx6103	100,000
125	DO THI THU HA	4286xxxx9102	169,813
126	NGUYEN ANH THU	4286xxxx5107	271,400
127	NGUYEN THI XUAN TRANG	4286xxxx1108	50,159
128	NGUYEN NGOC CAM VAN	4286xxxx3109	90,947
129	TRAN NGUYEN KIM DINH	4286xxxx0100	100,000
130	LAM THI BICH NGOC	5305xxxx0107	228,676

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
131	HO DUC DUONG	4286xxxx6113	100,000
132	HUYNH BICH NGA	4286xxxx3105	100,000
133	PHAM THI QUYNH	4286xxxx5109	92,370
134	LE MINH PHUONG THAO	4111xxxx8137	100,000
135	NGUYEN THIEN VU	4286xxxx1103	135,222
136	NGUYEN THI ANH NGUYET	4286xxxx2104	58,641
137	VO THI KIM CHI	4286xxxx7117	57,520
138	NGUYEN XUAN DIEU	4111xxxx1105	100,000
139	VO THI HONG NHUNG	4286xxxx3109	100,000
140	PHAM THI THU HIEN	4111xxxx4102	69,020
141	TU THI LANH	4286xxxx3106	56,160
142	HO DUC HONG	4111xxxx2104	59,550
143	LUONG THI THUY DUONG	4286xxxx7107	169,075
144	PHAN THI THU HIEN	4111xxxx9104	175,785
145	NGUYEN MAI THAO	4111xxxx7209	94,705
146	NGUYEN THI KIM THUY	4111xxxx9100	100,000
147	LUONG TRINH MINH NGOC	4111xxxx3117	426,197
148	LE THI THU HIEN	4286xxxx8106	73,535
149	TRAN THI KIM LOAN	4286xxxx9106	50,865
150	PHAM THI THANH THAO	4111xxxx6102	100,000
151	BUI THI PHUONG THAO	4286xxxx5110	56,212
152	PHAN THI KIM SANG	4286xxxx8125	55,460
153	LE THI HONG	4111xxxx6109	100,000
154	NGUYEN VO QUE LINH	4111xxxx7104	56,875
155	HUYNH VAN NAM	4286xxxx5107	53,085
156	QUACH THANH	4111xxxx9106	90,270
157	NGUYEN QUANG HIEU	4286xxxx3117	53,786
158	NGUYEN THI LUYEN	4111xxxx1101	58,320
159	NGUYEN VAN LONG	4286xxxx5104	100,000
160	TRAN NAM ANH	4111xxxx5109	100,000
161	TRAN THI LUYEN	4286xxxx0108	68,235
162	NGUYEN THI THU TAM	4111xxxx5104	82,476
163	NGUYEN T PHUONG TUYEN	4286xxxx2109	99,996
164	NGO THI LAN	4286xxxx8100	178,052
165	PHAM THI HONG LOI	4286xxxx7104	189,483
166	DOAN THI MAN HUYEN	4286xxxx0119	87,040
167	TRAN THI XUAN THUY	4111xxxx2103	100,000
168	TRAN LE QUOC TRUNG	4286xxxx9105	73,979
169	HO THAI BINH	4111xxxx2107	100,000
170	NGUYEN TH PH THAO MAY	4271xxxx2106	500,000
171	NGUYEN THI NHU QUYNH	4271xxxx8100	174,820
172	VAN THI THUY NHON	4111xxxx9100	68,978
173	NGUYEN TAT DAT	4111xxxx8103	63,614
174	LAM QUANG VY	4111xxxx0100	72,867

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
175	PHAN DINH LUYEN	4111xxxx8107	65,000
176	BUI ANH HUY	4286xxxx2109	87,500
177	NGUYEN THI HONG KHANH	4111xxxx7118	71,700
178	TRAN THANH LAM	4111xxxx9104	57,077
179	HOANG THI HAI VAN	4286xxxx5109	63,450
180	NGUYEN XUAN PHU	4111xxxx2100	100,000
181	TRAN THI THU HUONG	4111xxxx5104	100,000
182	NGUYEN THI HONG NGA	4111xxxx5127	100,000
183	NGUYEN TAM KIEU CHINH	4286xxxx8119	100,000
184	TRAN H T THANH BINH	4286xxxx1104	69,600
185	LE THI THANH TRUC	4111xxxx8101	51,597
186	PHAM THI LE QUYEN	4286xxxx0112	262,503
187	TRAN HOAN QUANG	4271xxxx3102	200,240
188	NGUYEN HONG VI	4286xxxx0104	50,015
189	NGUYEN THI NGOC DUNG	4286xxxx7100	100,000
190	NGUYEN THI THIEN MY	4286xxxx7107	179,000
191	HO THI XUAN LIEN	4286xxxx5104	271,895
192	TRAN QUYNH LOAN	4286xxxx5103	152,927
193	NGUYEN VAN ANH	4286xxxx6113	200,000
194	NGUYEN T PHUONG DIEM	4111xxxx8104	92,050
195	PHAM NGOC TAM	4111xxxx8108	100,000
196	DANG THI HIEN	4111xxxx0105	121,450
197	TRAN DANG AI LINH	4111xxxx1104	65,670
198	HUYNH HANH HAN	4111xxxx1114	157,470
199	NGUYEN QUOC TAM THU	4111xxxx9104	200,000
200	LE HUYNH XUAN THAO	4111xxxx5105	197,135
201	PHAN THI TRINH	4111xxxx8103	63,467
202	NGO HUU TAM	4286xxxx7102	170,205
203	NGUYEN THANH HUNG	4111xxxx9104	86,540
204	NGUYEN CHAU TOAN	4286xxxx9108	62,984
205	PHAM THI KIM KIEU	4111xxxx4119	449,780
206	NGUYEN NGOC DIEM	4111xxxx7107	84,570
207	NGUYEN THI KIM QUE	4286xxxx3102	50,827
208	HO NHUT LINH	4271xxxx4100	114,780
209	PHAM THI PHUONG HONG	4286xxxx3103	174,625
210	VAN THI MY DUNG	4286xxxx8104	81,905
211	LE THI THU VAN	4111xxxx7102	100,000
212	TRAN THI HUONG	4111xxxx4101	54,491
213	TRANG DIEU NGAN HAI	4111xxxx0100	100,000
214	LY MINH PHUONG	4286xxxx6100	92,510
215	TRIEU HONG PHUONG	4111xxxx4100	84,866
216	HUYNH GIA KHOA	4111xxxx0122	88,165
217	MAI THI LAN PHUONG	4286xxxx6101	83,345
218	THAI THI BICH THUY	4111xxxx6121	100,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
219	LE THI DIEM PHUC	4111xxxx8107	62,018
220	TRAN THI THANH NHA	4111xxxx4102	92,531
221	LE THI ANH DAO	4286xxxx5100	152,405
222	THAI VAN HOAI	4271xxxx5104	200,000
223	LE KIM DUNG	4286xxxx8100	51,715
224	THAI THI THUY LIEU	4286xxxx6104	79,132
225	VO THI MINH HUONG	4286xxxx7104	165,563
226	PHAM MINH HUNG	4271xxxx3109	113,665
227	NGUYEN THI THANH TRAM	4111xxxx7107	73,515
228	NGUYEN TRONG THANH	4111xxxx4119	76,622
229	NGUYENTHIXUANPHUONG	4286xxxx4106	156,540
230	LE VAN CUONG	5305xxxx9118	122,934
231	PHAM THI MINH HIEU	4286xxxx0115	64,847
232	TRUONG THI KIM DONG	4111xxxx5111	56,560
233	NGUYEN THANH TRUONG	4111xxxx7102	126,796
234	KIM THI HANH	4111xxxx6101	182,158
235	NGUYEN THI LE HANG	4111xxxx5114	57,815
236	HUYNH KHANH GIANG	4111xxxx2102	180,176
237	LE THONG NHAT	4111xxxx3208	142,068
238	LE NGOC TRUC LINH	4286xxxx6108	59,415
239	BUI THI NHU QUYEN	4111xxxx1103	56,100
240	TRAN VAN DAM	4271xxxx4206	200,000
241	TRAN THAI BAO	5305xxxx6102	109,100
242	CHAU NGOC NHU MAI	4111xxxx7108	176,385
243	NGUYEN THI NGAT	4111xxxx8106	500,000
244	CHAU THU THUY	4111xxxx7103	100,000
245	BUI THANH CHUONG	4286xxxx1113	77,719
246	TRAN THI HOANG CHAU	4111xxxx4110	265,072
247	LE THI HAI BINH	4286xxxx6114	100,000
248	DINH THI NHA PHUONG	4111xxxx2104	76,894
249	NGUYENTHI THANH HUONG	4286xxxx0103	132,320
250	HO THI BACH TUYET	4111xxxx4107	98,425
251	NGUYEN VU QUYNH NHU	4111xxxx1100	192,029
252	LE THI LY LY	4111xxxx4101	69,265
253	NGUYEN VAN TOAN	4286xxxx9102	100,000
254	NGUYEN THI THU HOAI	4111xxxx4119	65,170
255	LE THI THUY	4271xxxx2101	136,928
256	NGUYEN THI HIEN	4286xxxx1104	60,511
257	PHAM BA THANG	4111xxxx1108	212,504
258	NGUYEN THI TUYET MAI	4271xxxx8102	500,000
259	LUU THI THUY VAN	4111xxxx8109	100,000
260	PHAM THI MY HANG	4271xxxx9104	400,000
261	NGUYEN THI BICH NGOC	4286xxxx3109	58,700
262	PHAM NGOC LAM	4111xxxx0100	98,160

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
263	NGUYEN VIET NGA	4286xxxx2106	93,725
264	NGUYEN THI THANH TRUC	4111xxxx8104	88,997
265	DUONG TAN DAT	4111xxxx9108	57,154
266	TRUONG KIEU NGA	4111xxxx9100	142,279
267	NGUYEN PHUONG BINH	4111xxxx5104	69,036
268	NGUYEN THANH MAI	4286xxxx6125	58,449
269	LE THI CAM VUI	4111xxxx0108	156,757
270	NGUYEN THI DAC THUY	4111xxxx7102	60,312
271	NGUYEN THI MINH	4111xxxx3105	72,024
272	BUI KHOAT	4111xxxx6100	100,000
273	HUYNH ANH TUAN	4111xxxx9111	100,000
274	LE THI LINH	4286xxxx5102	62,617
275	TRINH VAN GIANG	5305xxxx0101	144,538
276	TRUONG TAM	4286xxxx4102	85,300
277	DINH THI THU NGA	4111xxxx3101	156,876
278	HA THI CHAM	4111xxxx1108	100,000
279	LE XUAN ANH	4286xxxx3121	50,965
280	NGUYEN GIA PHUC	4286xxxx8105	200,000
281	NGUYEN THI MINH HANG	4286xxxx5112	153,655
282	LE XUAN SINH	4271xxxx9103	177,761
283	DUONG XUAN NAM BANG	4111xxxx1101	174,295
284	DAO TRUC LINH	4286xxxx0106	100,000
285	BUI THI NGOC LAN	4111xxxx3103	89,253
286	NGHIEM THI HA	4286xxxx9107	100,000
287	NGO MA QUOC CHUONG	4111xxxx6105	88,082
288	NGUYENTHIBICHPHUONG	4111xxxx7109	51,820
289	MAI HA LAN	4286xxxx6104	62,574
290	NGUYEN VAN YEU	4286xxxx2108	87,560
291	NGUYEN THI TUONG VAN	4111xxxx0108	100,000
292	LE MINH HIEN	4286xxxx0105	51,165
293	NGUYEN DUY PHUOC	4286xxxx3104	50,890
294	NGUYEN THI ANH THU	4286xxxx7101	60,670
295	LUU THI MINH THANH	4286xxxx2106	59,732
296	TAO QUANG KHAI	4286xxxx2100	70,250
297	LY THI HONG	4111xxxx2113	71,920
298	PHAN LE BAO TRAN	4286xxxx0101	100,000
299	NGUYEN CANH HIEP	4111xxxx8103	206,658
300	PHAM THI THAO	4111xxxx6107	200,000
301	VO THI THANH HOAI	4111xxxx5111	92,670
302	NGUYEN ANH QUAN	4286xxxx5107	87,705
303	NGUYEN THI BAO TRAM	4286xxxx9114	61,080
304	NGUYEN THI KIM THUONG	4111xxxx6100	355,490
305	TRAN THI HUYEN	4111xxxx1109	100,000
306	HO VAN HUONG	4271xxxx4108	187,930

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
307	PHAM HOANG VIET	4111xxxx8108	100,000
308	HOANG DUC MINH	4111xxxx1104	119,552
309	TRUONGVUONG DUY THONG	4111xxxx9131	137,259
310	LE QUANG HIEU	4286xxxx9100	148,237
311	TRINH BE THAO	4111xxxx5104	169,528
312	NGUYEN NGOC LINH KHA	4111xxxx3100	61,984
313	VU THI THU HOAI	4286xxxx5122	86,335
314	LUONG THI KIM HAU	4286xxxx7106	149,626
315	NGUYEN THI THUY DUNG	4286xxxx5101	66,724
316	DAO TRUNG NGUYEN	4111xxxx8104	77,552
317	PHAM NHA UYEN	4286xxxx9108	50,735
318	TRAN DINH VIET	4111xxxx9107	55,122
319	TRAN THI THANH MAI	4286xxxx3102	100,000
320	DAO THI PHUONG DAI	4286xxxx6100	67,900
321	NGUYEN THI THU VAN	4286xxxx3100	67,907
322	DANG THI THUY	4286xxxx9107	80,221
323	NGUYEN THANH TUNG	4286xxxx3108	53,208
324	NGUYEN THI MY DUNG	4111xxxx0107	50,587
325	NGUYEN NU HOANG ANH	4286xxxx8100	72,693
326	NGUYEN TAN KHUONG	4111xxxx0105	91,165
327	NGUYEN THI HOAI ANH	4111xxxx7107	100,000
328	NGUYEN THI KIM NGAN	4286xxxx6109	100,000
329	TON NGUYEN VAN ANH	4286xxxx7100	54,398
330	NGUYEN TUAN NGUYEN	4111xxxx1117	97,940
331	PHAM THANH HONG	4286xxxx3104	60,691
332	LE TRUNG NHUT	4286xxxx6212	85,095
333	BUI NGUYEN LE	4286xxxx2105	59,204
334	PHAM TUAN ANH	4286xxxx2204	68,435
335	TRUONG SON HAI	4111xxxx2103	233,895
336	VO HUONG GIANG	4286xxxx9105	58,976
337	DOAN VAN XINH	4111xxxx3105	104,080
338	PHUNG THI DONG THI	4111xxxx9102	211,306
339	VO THI TRANG	4286xxxx4105	61,218
340	DUONG QUOC DAT	4286xxxx2100	156,428
341	NGUYEN KHAC HOAN	4111xxxx1106	114,222
342	HUYNH THI TIEN	5305xxxx0103	500,000
343	NGUYEN THI THU TRANG	4286xxxx1108	100,000
344	NGO THI LE CHI	4286xxxx2102	100,000
345	MAI LE HOA	4111xxxx6112	60,372
346	NGUYEN THI PHUOC	4111xxxx9106	339,981
347	LE CAO SON	4111xxxx7104	67,199
348	HO TU TRAN	4111xxxx5102	87,753
349	NGUYEN VAN NEN	5305xxxx5109	500,000
350	NGUYEN HUY ANH THU	4111xxxx7101	100,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
351	DINH THU GIANG	4111xxxx3109	146,756
352	PHAM THI MY CHI	4286xxxx9121	60,290
353	TRAN THI HOAI LINH	4286xxxx7102	84,885
354	NGUYEN THI KIM CHUNG	4111xxxx6103	57,653
355	LE MY PHUONG	4286xxxx3104	50,663
356	PHAM THAO NGUYEN	4111xxxx0105	80,830
357	NGUYEN THI THUY LANH	4286xxxx6103	184,960
358	NGUYEN THI HONG THUAN	4286xxxx3108	249,271
359	DUONG THUONG LIEN	4286xxxx6110	324,606
360	NGUYEN THI LINH PHUONG	4286xxxx6100	52,148
361	LE THI BAO	4286xxxx3106	89,115
362	HA KIEN HUY	5151xxxx2101	56,548
363	LUONG THI HOA	4286xxxx7109	92,220
364	NGUYEN TAN DAM	4111xxxx3107	68,058
365	NGO THI THANH THUY	4286xxxx4106	85,185
366	LE THI THU VINH	4111xxxx3103	158,890
367	NGUYEN THI KIM TUYEN	5151xxxx2103	163,180
368	NGUYEN KIEN CUONG	4111xxxx0106	77,035
369	HOANG THI TO LOAN	4271xxxx0109	200,000
370	HUYNH THI NHI	4286xxxx8116	50,000
371	TRUONG THI PHUONG MAI	4286xxxx7108	51,749
372	NGUYEN THI THU THUY	4286xxxx0109	61,835
373	NGUYEN TRIEU THUONG	4111xxxx2107	54,090
374	VU VAN HIEU	4286xxxx4102	180,943
375	LA THI THANH PHUC	4286xxxx0108	100,000
376	NGUYEN THI LAN	4111xxxx5109	114,583
377	NGUYEN THI TO UYEN	4111xxxx0109	79,805
378	NGUYEN HONG NHUNG	4286xxxx7103	246,802
379	LUONG NU THANH TAM	4286xxxx0129	79,565
380	THAI TANG QUOC	4286xxxx7103	61,844
381	BUI SY NAM	5305xxxx1101	103,116
382	LE THI TUYET NHUNG	4286xxxx2111	127,333
383	NGUYEN THUY AN	4111xxxx8103	100,000
384	BUI NGOC PHUONG UYEN	4286xxxx1116	115,431
385	PHAN THI XUAN	4286xxxx1101	158,160
386	HO SI TUONG TRANG	4111xxxx9103	66,085
387	NG PHAN PHUONG THUY	4111xxxx0208	104,162
388	TRAN THANH TU	4286xxxx8112	73,500
389	NGUYEN THI NGOC LAN	4286xxxx1106	100,000
390	PHAM VAN DUC	4111xxxx8103	73,845
391	TRAN THI TUYET MAI	4286xxxx3108	139,282
392	HUYNH MINH TAM	4286xxxx5108	81,500
393	HUYNH CHI OANH	4286xxxx8101	52,065
394	DANG PHAN DUNG	4271xxxx6103	200,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
395	LE DO TIEN TRI	4111xxxx1112	73,352
396	NGUYEN THI DO QUYEN	4111xxxx2106	90,755
397	NGUYEN VU HIEN	4111xxxx2108	100,000
398	HUYNH THI THUY TIEN	4111xxxx5107	100,000
399	LE THANH TRUNG	4286xxxx6109	100,000
400	NGUYEN TAN LUC	4111xxxx8100	266,470
401	LE THI CUONG	4271xxxx3101	500,000
402	PHAM THI THANH THUY	4286xxxx6104	70,998
403	VU PHUONG THAO	4111xxxx2107	100,000
404	NGUYEN THI THU HIEN	4111xxxx0101	100,000
405	NGUYEN DUC BAO	4111xxxx1110	100,000
406	NGUYENTHUYPHUONG THAO	4286xxxx5108	50,265
407	NGUYEN VAN DUONG	4286xxxx9104	60,755
408	LE THI KIM LOAN	4286xxxx7208	102,501
409	LE THI NUONG KIEU	4286xxxx9120	81,975
410	DOAN ANH TUYET	4286xxxx8105	213,326
411	BUI THI BICH VAN	4286xxxx3105	116,151
412	DINH NGUYEN THI NUONG	4286xxxx4109	257,361
413	HUYNH THI NGOC HAN	4286xxxx8105	120,320
414	PHAM BICH NGOC	4271xxxx1111	327,519
415	TRA THI THANH TRUC	4111xxxx4102	56,059
416	NGUYEN DUC HIEP	4286xxxx5105	54,562
417	NGUYEN NHU QUYNH	5151xxxx1101	71,082
418	DINH THI PHUONG VY	4111xxxx2106	180,825
419	TRAN KHA PHU	4111xxxx8101	200,000
420	NGUYEN THI DIEM MY	4286xxxx4106	100,000
421	NGUYENTHIPHUONG THAO	4111xxxx3103	60,600
422	NGUYEN ANH TUAN	4111xxxx2109	93,225
423	NGUYEN THI KIM NGUYEN	5151xxxx6104	114,818
424	NGUYEN VAN DUNG	4111xxxx7100	94,871
425	VU THI THU HUONG	4286xxxx5108	86,825
426	TON THIEN TOAN	4111xxxx2103	51,048
427	TRAN HOANG HA MY	5305xxxx3105	116,787
428	TO PHUONG THI	4111xxxx4109	77,068
429	THAI THI THU THUY	4111xxxx9100	299,224
430	TRAN KHIEU THIEN	4111xxxx4109	100,000
431	NGUYEN XUAN PHUC	4111xxxx0103	100,000
432	LE THI TRUC	4286xxxx5104	58,356
433	VU VAN MANH	4111xxxx7107	235,405
434	LE PHUOC HUY	4286xxxx3113	95,892
435	TRAN THI HONG MONG	4286xxxx5103	483,293
436	LE THI LUYEN	4286xxxx9107	203,804
437	NGUYEN THI TUYET LE	4286xxxx8105	100,000
438	LE QUANG GIANG	4111xxxx1105	83,850

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
439	NGUYEN THI MINH HA	4286xxxx6106	100,000
440	TO THI BICH LIEN	4111xxxx9100	89,289
441	VO THI THUY DIEM	4111xxxx4100	169,015
442	LE ANH KHOA	4286xxxx4107	59,717
443	LAM VAN THANG	4111xxxx1109	58,466
444	HOANG THI THU HA	4286xxxx7108	219,100
445	LUU DUC BINH	4286xxxx8102	51,672
446	NGUYEN THI TUYETNHUNG	4286xxxx7108	52,840
447	NGUYEN HOA PHAP	4111xxxx2105	112,135
448	TRAN THI CUC	4271xxxx8102	200,000
449	NGUYEN THI THANH THUY	4111xxxx1109	150,757
450	LUU HONG SON	4111xxxx0101	100,000
451	LE THI PHUONG NGA	4111xxxx3103	79,950
452	NGUYEN VAN DUY	4286xxxx5105	84,038
453	PHAM NGOC HANG	4111xxxx4101	200,000
454	HUYNH THAI HOANG	4111xxxx5102	100,000
455	LE CONG HIEU	4111xxxx1105	61,449
456	HOANG THI HUYEN	4286xxxx8107	52,197
457	NGUYEN VAN VUONG	4111xxxx4108	100,000
458	KHUONG LAM MINH TUAN	4286xxxx4108	76,815
459	TRAN THI HONG HANH	4286xxxx2108	79,640
460	HUYNH THI NGA	4111xxxx5108	85,488
461	NGUYEN THI BE GHI	4286xxxx2104	82,880
462	VO THI QUYNH GIANG	4286xxxx1103	410,854
463	LE CHI CHUNG	4286xxxx9103	64,124
464	LUONG VAN NHAN	4111xxxx4106	68,766
465	NGUYEN VAN TOAN	4286xxxx3103	51,990
466	TRAN THI LAN	4286xxxx0100	185,630
467	VO THI DIEU HUONG	4286xxxx0105	223,477
468	LA THI HAI HA	4286xxxx0103	74,114
469	HUYNH QUOC TIN	4286xxxx8106	130,720
470	HUYNH NHAT DA LY	4286xxxx3107	150,000
471	TRAN THI MY NHUNG	4111xxxx1108	100,000
472	TRAN THI THU ANH	4286xxxx5103	61,592
473	HO THI MY TIEN	4111xxxx7111	55,947
474	NGUYEN ANH TUAN	4286xxxx1102	65,175
475	TRAN GIA NGUYEN THY	4286xxxx2112	72,020
476	NGUYEN THI XUAN	4286xxxx0102	61,550
477	NGUYEN THI NHAT HANG	4111xxxx3103	100,000
478	NGUYEN THI THUY HUNG	4111xxxx5109	100,000
479	LE THI KIM DUNG	4111xxxx3103	73,150
480	TRAN LE QUYEN	4286xxxx6105	131,425
481	NGUYEN PHU TIN	4111xxxx7116	175,490
482	TRINH LAN ANH	4286xxxx1102	93,239

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
483	NGUYEN THI THUC ANH	4286xxxx5119	82,642
484	BUI DUY LIEU	4111xxxx6105	174,900
485	NGUYEN THI XUAN MAI	4286xxxx0116	82,272
486	TRAN MINH MAN	4111xxxx7102	100,000
487	LU THAI HOA	4111xxxx3111	200,000
488	TRANG THI HUONG	4286xxxx7109	129,145
489	VO THI TRUC LE	4286xxxx9108	51,050
490	NGUYEN THI THU TRAM	4286xxxx4103	50,000
491	THAI DUONG KHANG	4111xxxx5107	70,500
492	LA HOANG PHUONG	4111xxxx7109	57,696
493	PHAN THI ANH DAO	4111xxxx9116	88,705
494	LY THI NGOC ANH	4286xxxx4108	100,000
495	NGO THI HUONG	4111xxxx8114	57,165
496	HOANG THI HANH	4111xxxx0107	50,079
497	DANG THI KIM PHUONG	4286xxxx9103	99,133
498	LE THANH HUNG	4111xxxx3103	61,175
499	TRAN THANH NHAN	4286xxxx5104	193,345
500	NGUYEN VO HUU NHAN	4111xxxx5133	100,000
501	LUU THI THUY HANG	4286xxxx2100	153,341
502	PHAM ANH TRI	4111xxxx2102	100,000
503	LU NGOC DIEM THANH	4111xxxx4105	82,825
504	HO THI THAO	4286xxxx1106	51,485
505	PHAM KE NGHIEP	4271xxxx6108	165,754
506	LE THI XUAN	4111xxxx5100	50,117
507	NGUYEN TU QUANG	4111xxxx6106	100,000
508	PHAN THANH CONG	4286xxxx4107	54,510
509	LE TRAN MY HANH	4286xxxx7106	100,000
510	DANG QUANG HUNG	4286xxxx5106	100,000
511	VU THI THUY SON	4111xxxx0104	81,554
512	NGUYEN HONG XUAN	4111xxxx6102	90,437
513	LUU VINH LOI	4111xxxx6103	55,885
514	HO HOAN KIEM	4111xxxx3117	446,783
515	VAN CONG BINH	4286xxxx0102	53,950
516	HUYNH THAO NGUYEN	4286xxxx6101	75,433
517	HOANG MINH DUC	4111xxxx7129	95,710
518	HUYNH THI HIEP	4286xxxx6101	70,524
519	TRUONG THI KIM LUONG	4286xxxx3106	50,636
520	TRAN MINH NGUYEN	4286xxxx4104	96,715
521	DANG THI KIM LAN	4111xxxx1107	300,000
522	TON NU PHUONG THAO	4286xxxx9123	92,759
523	HOANG ANH TRA	4286xxxx2104	69,462
524	HOANG THI XUAN LOC	4286xxxx8102	55,240
525	PHAM THI GIANG	4111xxxx9113	151,686
526	NGUYEN THI HONG THUY	4286xxxx2107	100,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
527	VO THI KIM QUYEN	4271xxxx5106	121,162
528	NGUYEN THI THANH HIEN	4111xxxx6105	93,627
529	PHAM VAN THIET	4111xxxx4101	100,000
530	LE THI THANH MY	4111xxxx9100	100,000
531	NGUYEN PHUONG LAM	4286xxxx5100	100,000
532	PHAM VAN HONG	4286xxxx7112	52,320
533	PHAM THI NGOC	4111xxxx1109	100,000
534	HOANG THI HUYEN TRANG	4286xxxx1105	100,000
535	NGUYEN THI BACH YEN	4271xxxx8102	200,000
536	TRAN THI HUYEN	4111xxxx5101	100,000
537	TRUONG THU TRANG	4286xxxx8107	70,203
538	HOANG VU AN	4286xxxx1103	53,648
539	TRUONG THANH XUAN	4286xxxx3107	100,000
540	NGUYENTHIPHUONGTHUY	4286xxxx6107	90,865
541	NGUYEN THI NHU QUYNH	4286xxxx2100	100,000
542	TRINH THI THU HIEN	4286xxxx0101	61,565
543	DANG THI BICH DUYEN	4286xxxx9102	68,550
544	NGUYEN THI KIM DUYEN	4286xxxx3107	205,389
545	CHAU THI LAN THANH	4111xxxx5108	67,320
546	TRAN THANH HANG	4111xxxx6105	100,000
547	NGUYEN THI THUY TRANG	4286xxxx7101	81,110
548	NGUYEN THI THAO NGAN	4286xxxx2106	50,285
549	BUI THI MY LE	4111xxxx1108	186,199
550	LE VAN KHUONG	4111xxxx2101	100,000
551	NGUYEN THI THU HANG	4286xxxx6100	63,670
552	TRAN THI TUONG VY	4271xxxx7217	200,000
553	NGUYEN NGOC DONG	4271xxxx5108	140,325
554	VO THI THU TRAM	4111xxxx3109	69,265
555	LE VIET HUNG	4111xxxx2100	69,275
556	NGUYEN THI NHU QUYNH	4111xxxx7208	54,126
557	NGO DUY PHUONG	4286xxxx4216	212,901
558	NGHIEM DIEU LINH	5151xxxx8112	78,620
559	TRAN THI HA	4111xxxx0109	89,400
560	NGUYEN THI LAN	4111xxxx2109	50,300
561	NGUYEN THI SA	4286xxxx4109	500,000
562	NGUYEN THANH HOANG	4286xxxx0101	61,020
563	DO THI HONG MINH	4111xxxx0106	71,165
564	PHAM THI MAI	4271xxxx2206	500,000
565	PHAM DUC HUNG	4111xxxx9104	56,753
566	CHUNG THI PHUOC LOC	4286xxxx5113	160,335
567	VO THI HAO	4286xxxx2103	215,085
568	HUYNH THI HOA	4286xxxx6106	54,378
569	TRUONG THI ANH XUAN	4286xxxx0104	53,323
570	NGO TUYET HANH	4286xxxx2103	74,360

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
571	NGUYEN DUY HOANG	4111xxxx4107	100,000
572	DOAN THE LINH	4271xxxx8109	200,000
573	NGUYEN THI THANH LOAN	4286xxxx5108	163,512
574	LAM NGOC TUYEN	4286xxxx0104	65,910
575	NGUYEN THI THANH TAM	4111xxxx0107	100,000
576	VO THI BICH HANH	4286xxxx3101	62,800
577	HUYNH THI NGOC NHAN	4286xxxx6100	182,361
578	NGUYEN THI NHIEN	4286xxxx1103	100,000
579	PHAM THI THU NGA	4286xxxx0108	82,885
580	PHAN TRONG DUC	4286xxxx8107	100,000
581	PHAM TRUONG KY	4111xxxx4103	94,910
582	NGUYEN THI KIM CHI	4111xxxx1105	100,000
583	PHUNG THI HUONG	4111xxxx8114	62,887
584	NGUYEN NGUYEN	4111xxxx4106	63,532
585	TA HAU	4111xxxx3105	100,000
586	BUI LE HANH NGUYEN	4286xxxx5113	189,233
587	NGO THI KIEU OANH	4111xxxx5106	90,256
588	DINH XUAN TUAN	4111xxxx2103	100,000
589	NINH THI THUY NGA	4286xxxx4106	78,110
590	NGUYEN THI THU TRANG	4271xxxx5100	200,000
591	LY CAM LY	4286xxxx3102	77,665
592	NGO THI THU HIEN	4111xxxx5114	100,000
593	NGUYEN THI DIEU THAO	4286xxxx8100	133,093
594	TRAN THI KIM HOANH	4286xxxx9108	500,000
595	TRINH ANH HOANG	4111xxxx3101	60,850
596	TRUONG THI THUY TIEN	4286xxxx4103	100,000
597	NGUYEN THI HONG NHUNG	4111xxxx1101	60,855
598	LE THI THU HUONG	4111xxxx4100	83,726
599	TRAN THI THU HUYEN	5305xxxx8106	200,000
600	TRAN THI BE BA	4286xxxx4107	89,820
601	TRINH THI NGOC HOA	4286xxxx2117	73,107
602	NGUYEN ANH QUOC	4286xxxx5100	52,014
603	NGUYEN ANH DUC	4111xxxx3101	79,000
604	NGUYEN DINH DONG	4111xxxx0105	160,176
605	BUI NGUYEN HANH DUNG	4111xxxx0114	60,667
606	NGUYEN VAN THAO	4271xxxx4101	192,910
607	TRAN LE BINH	4271xxxx1100	173,688
608	TRAN THI THANH PHUONG	4271xxxx2103	121,591
609	NGUYEN NGOC HUE	4111xxxx0106	181,430
610	LE THI TUYET THU	4286xxxx3105	70,100
611	PHAN THI THUY HA	5151xxxx9102	79,660
612	CA BICH HOANG	4286xxxx5103	56,470
613	NGUYEN THU TRANG	4286xxxx6108	169,560
614	TRAN THI THAO	4111xxxx1103	85,544

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
615	VO THI HONG DUNG	4286xxxx4109	67,536
616	NGUYEN VAN ANH	4286xxxx2101	83,981
617	LA THI KHANH PHUONG	4286xxxx5100	76,685
618	LE THI HIEN	4286xxxx1107	350,950
619	VO THI HONG DIEM	4286xxxx2108	100,000
620	PHAN NGUYEN D PHUONG	4286xxxx8103	87,618
621	NGUYEN THANH TUYEN	4286xxxx2101	73,450
622	NGUYEN THE DUNG	4111xxxx4103	73,270
623	NGUYEN THI LAN HUONG	4271xxxx9112	316,300
624	DIEP QUOC DUNG	4286xxxx1108	55,725
625	TRAN THI THU HA	4111xxxx2106	100,000
626	NGUYEN QUOC PHONG	4111xxxx3105	100,000
627	HUYNH THANH PHUONG	4286xxxx3106	100,000
628	NGUYEN BANG LANG	4111xxxx0125	50,321
629	TRAN THI THUY HONG	4286xxxx5103	128,797
630	DANG THI NGOC GIAU	4286xxxx2105	64,257
631	MAI THI LIEU	4286xxxx0104	147,950
632	TRUONG TRUONG THO	4286xxxx1101	98,538
633	NGUYEN THI HUONG	4286xxxx2109	62,565
634	NGUYEN QUANG MINH	4111xxxx3103	83,437
635	HUYNH THI THANH HA	4286xxxx9100	68,901
636	CHE THI BICH THUY	4286xxxx2103	55,640
637	NGUYEN THI QUYNH LOAN	4111xxxx3119	57,681
638	TRINH THI THANH HUYEN	4111xxxx6109	94,604
639	NGUYEN THI TRI	4286xxxx4108	100,000
640	NGUYEN THANH TUAN	4111xxxx9103	81,005
641	BACH DANG KHANG	4111xxxx0103	164,266
642	NGUYEN HANH NGAN	4286xxxx8100	58,875
643	NGUYEN BAO CHAU	4111xxxx8105	88,465
644	PHAM THANH HOA	4286xxxx8108	53,015
645	NGUYEN HOAI THANH	4286xxxx9107	100,000
646	LU TRINH QUYNH NHUNG	4286xxxx6103	100,000
647	DAO THI KINH	4111xxxx5114	100,000
648	HA QUANG TAM	4111xxxx6104	52,150
649	NGUYEN LE NHUNG	4111xxxx5103	68,133
650	NGUYEN NAM DUONG	4286xxxx8106	136,499
651	TRAN THI TUYET LAM	4286xxxx9110	50,320
652	NGUYENNGOCDIEM HUONG	4111xxxx4101	336,645
653	DINH THI THUY TRANG	4286xxxx8105	219,370
654	TRAN THI HUYEN LINH	4286xxxx2104	82,487
655	VI THI THU LE	4286xxxx1104	100,000
656	LE THI NHA TRUC	4111xxxx0100	67,040
657	LE KIM THU	4271xxxx5101	200,000
658	LE MAI BAO KIM	4111xxxx9108	68,119

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
659	VO THI VAN	4286xxxx0105	65,236
660	TRAN NGUYEN DAI	4286xxxx6108	61,155
661	VO THI ANH TUYET	4286xxxx3107	87,524
662	LAM THI HONG CHI	4286xxxx6101	100,000
663	NGUYEN THI THANHGIANG	4111xxxx6115	100,000
664	TRAN QUANG SON	4111xxxx5116	57,870
665	TRAN NGUYEN THAO LY	4286xxxx6107	200,000
666	PHAM THI YEN PHI	4286xxxx1106	100,000
667	PHAM THANH TRUC	5305xxxx4106	142,422
668	LUONG THI THUY DUNG	4286xxxx9106	50,586
669	LAM DIEU THI	4286xxxx2103	60,272
670	NGUYEN THI VAN ANH	4286xxxx2105	60,768
671	NGO NGUYEN XUAN TUYEN	4286xxxx0100	53,970
672	HO TRAN NGOC OANH	4286xxxx4109	95,210
673	VO THI NGOC TUYET	5305xxxx6107	500,000
674	DUONG ANH TUAN	4111xxxx7106	111,245
675	NGUYEN HUY TAI	4111xxxx1101	197,170
676	TRAN MINH CHAU	4111xxxx7109	67,224
677	PHAM MINH DUONG	4111xxxx3110	194,535
678	NGUYEN THI THU HIEN	4286xxxx0104	78,525
679	LE THI THUY DUONG	4111xxxx3106	115,818
680	NGUYEN THI THUY DUONG	4286xxxx6102	135,120
681	LE THI THANH HANG	5151xxxx2102	50,145
682	LE THI MY HANG	4111xxxx9103	240,252
683	BAO HUNG TRONG	4286xxxx6108	96,850
684	VO HOANG QUOC VIET	4111xxxx7103	53,580
685	DANG THUY DUNG	4271xxxx0103	200,000
686	NGUYEN THAI SON	4286xxxx3109	58,295
687	NGUYEN THUONG HUNG	4111xxxx9124	152,205
688	NGUYEN LUU DIEN TUONG	4286xxxx7103	69,678
689	TRAN NGUYET HUONG	4111xxxx7109	100,000
690	PHAM THI TRA MY	4111xxxx1105	270,581
691	LE THI HUE	4286xxxx0104	61,785
692	NGUYEN LE CHAU LINH	4286xxxx0111	82,022
693	NGUYEN NGOC BUU MINH	4111xxxx1106	51,065
694	NGUYEN THI TU LUE	4286xxxx6103	56,903
695	PHAM THI KIM TUYEN	4111xxxx0107	62,744
696	HOANG NGUYEN HOAI NAM	4286xxxx3109	57,236
697	PHAM HUU THAN	4286xxxx6113	66,324
698	PHAM THI THU NGA	4286xxxx3105	50,243
699	NGUYEN THI DIEM	4286xxxx2102	131,677
700	TRUONG THI XUAN VY	4286xxxx6105	65,490
701	HUYNH THI TO QUYEN	4286xxxx2107	61,895
702	NGUYEN THI HAN	4286xxxx1108	70,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
703	TRAN THANH HUY	4111xxxx3101	51,947
704	VU DO THACH CAM	4286xxxx4110	100,000
705	TRAN LE DIEU LINH	4286xxxx8107	74,700
706	NGUYEN THI NGUYET	4286xxxx0106	150,613
707	NGUYEN THI BICH TUYEN	4286xxxx5100	100,000
708	TANG THAI BICH THONG	4111xxxx8104	100,000
709	NGUYEN THI MINH PHAM	4286xxxx9105	100,000
710	TRIEU THI THUAN	4111xxxx3106	87,500
711	DOAN HONG HUYEN	4286xxxx5106	58,444
712	NGO THAO HIEN	4286xxxx0106	133,011
713	NGUYEN THANH SON	4111xxxx7105	69,463
714	LE QUANG UYEN PHUONG	4271xxxx6116	200,000
715	DANG QUOC HUNG	4286xxxx9108	68,443
716	LUU KIM ANH	4111xxxx8201	200,000
717	NGUYEN BA DONG	4286xxxx0116	160,215
718	PHAM NGOC PHU	4271xxxx6101	400,000
719	NGUYEN MINH NGAN	4286xxxx7108	53,593
720	LE THI KIM THAO	4286xxxx4106	153,000
721	LE HIEN ANH TAN	4111xxxx9119	100,000
722	HA THI THU NHAI	4111xxxx4105	61,436
723	DAU THANH QUYEN	4271xxxx1104	105,330
724	NGUYEN TRUONG THUY	4286xxxx9104	95,664
725	TO THI BICH HUONG	4111xxxx7109	76,618
726	LE THI HANH	4111xxxx5103	79,950
727	DOAN THI HANG	4286xxxx0103	236,752
728	NGUYEN LE MINH ANH	5151xxxx6104	60,510
729	NGUYEN DUC ANH	4111xxxx8113	100,000
730	TRAN VAN HIEN	4111xxxx0107	77,955
731	VUONG THI VIET HANH	4111xxxx9109	100,000
732	NGUYEN THANH PHONG	4111xxxx4108	111,522
733	NGUYEN THI THANH TAM	4286xxxx8105	100,000
734	LAM THI THAO	4111xxxx3108	60,302
735	NGUYEN MAI PHUONG	4111xxxx2103	66,760
736	PHAM VAN BA	4111xxxx0119	100,000
737	NGUYEN HOANG LONG	4111xxxx7107	100,000
738	NGUYEN TUONG X NGHIEM	4286xxxx8101	53,250
739	NGO TUAN KHAI	4286xxxx0109	50,645
740	NGUYEN VAN THONG	4286xxxx4108	100,000
741	TRAN BIEN THUY	4111xxxx2109	76,130
742	LUU MY PHUC	4286xxxx7106	100,000
743	LE TRUONG THU THAO	4111xxxx9102	77,905
744	HUYNH NGOC YEN NHI	4111xxxx8106	500,000
745	PHAM CONG NGOC THUY	4286xxxx0101	280,625
746	LE DO HONG DAO	4111xxxx8107	70,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
747	LE TU KHUE	4286xxxx4100	61,462
748	NGUYEN NGOC THUY LINH	4286xxxx7103	54,250
749	NGUYEN THI THU HUONG	4286xxxx4103	500,000
750	NGUYEN MY LINH	4286xxxx9103	53,775
751	TRAN XUAN BINH	4111xxxx8108	250,293
752	NGUYEN THI THANH TRUC	4286xxxx3108	208,043
753	GIANG THI SA	4286xxxx6103	100,000
754	NGUYEN DUC TRUNG	4111xxxx1107	100,000
755	NGUYEN THI THUY HANG	4111xxxx6109	78,185
756	TRAN MINH TUNG	4111xxxx9103	51,249
757	PHAM PHUONG THAO	4286xxxx5100	80,444
758	NGUYEN THI HONG NHUNG	4286xxxx5101	89,865
759	LY LAM DUY	4286xxxx6100	152,556
760	NGUYEN THI KIM NHI	4111xxxx0105	100,000
761	TRAN THI MY PHUONG	4111xxxx5106	100,000
762	NGUYEN THI THUY TRANG	4286xxxx1104	156,229
763	TRUONG THI HUONG	4286xxxx4106	61,225
764	NGO VAN NGHIA	4271xxxx6100	101,038
765	NGUYENHOANGKHANHTRANG	4286xxxx6104	57,510
766	NGUYEN MINH HONG	4286xxxx2103	73,240
767	DINH NGUYEN ANH VU	4286xxxx0124	100,000
768	DANG THI MY TIEN	4111xxxx2112	64,500
769	NGUYENTHITUYETNHUNG	4286xxxx4102	56,890
770	PHAM THI THANH KIM	4286xxxx5103	52,780
771	HUYNH PHU HAI	4286xxxx9106	66,410
772	NGUYEN XUAN SON	4286xxxx7101	56,820
773	NGUYEN QUANG AN	4111xxxx2101	84,831
774	TRAN THI KHANH LY	4111xxxx4101	76,868
775	NGUYEN THI HANG	4271xxxx9103	361,720
776	PHAN THANH HAI	4286xxxx9101	53,612
777	TA MANH HA	4286xxxx4101	141,449
778	NGUYEN THI KIM XUYEN	4286xxxx5206	50,620
779	NGUYEN THI THANH LONG	4286xxxx3101	51,364
780	CO NGUYEN MINH TOAN	4111xxxx5102	59,504
781	VAN DUC KHOAI	4111xxxx1104	94,328
782	NGUYEN THI ANH PHUONG	4111xxxx1104	100,000
783	DUONG THI NGOC LINH	4286xxxx8104	60,400
784	LE THI BE LAM	4271xxxx7108	112,184
785	LE THI KIM UYEN	4286xxxx1117	73,263
786	MARK EDWARD KRAMB	4111xxxx5201	56,130
787	NGO THI LUAN	4111xxxx7101	60,186
788	HUYNH THI HANG	4286xxxx3101	119,196
789	LE THUY DUNG	4271xxxx5118	170,423
790	NGUYEN MINH TONG	4286xxxx8105	100,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
791	TRAN THI PHUONG	4111xxxx8109	56,795
792	NGUYENPHAMQUOCPHONG	4111xxxx4107	100,000
793	HUYNH THI THUY LINH	4111xxxx8208	91,219
794	TRAN ANH KIET	4111xxxx0110	87,250
795	TRAN THI KIEU GIANG	4111xxxx4104	100,000
796	VAN VIEN MY TRINH	4286xxxx3108	163,300
797	NGUYEN THI VIET	5305xxxx2106	500,000
798	LE XUAN HIEN	4111xxxx9101	89,850
799	DAM LUU LY	4271xxxx1118	200,000
800	LE THI BICH VAN	4111xxxx1306	73,396
801	NGUYEN DUY TUNG	4286xxxx1106	100,000
802	VU DUY HUNG	4111xxxx0103	335,263
803	KIEU THI MINH NGUYET	4111xxxx3102	60,590
804	TRAN KIM YEN	4286xxxx1107	64,242
805	NGUYEN THI TU OANH	4286xxxx2101	125,820
806	TRAN THI NGOC TU	4286xxxx1101	61,094
807	NGUYEN NGOC BAO YEN	4111xxxx2100	63,510
808	NGUYEN VAN LONG	4111xxxx8106	68,400
809	NGUYEN TAN LOC	4286xxxx9102	100,000
810	NGUYEN TAN DAT	5305xxxx7123	192,900
811	NGUYEN NGOC TRAN	4271xxxx9106	163,455
812	TRAN LE NHUT LINH	4111xxxx4100	100,000
813	NGUYEN THI DIEM TRANG	4111xxxx6114	81,053
814	NGUYEN M N PHUONG VAN	4286xxxx5106	200,000
815	HUYNH THI YEN NHI	4286xxxx7108	115,192
816	NGUYEN THI MONG LINH	4286xxxx0109	117,479
817	LE THI BAO TRAN	4286xxxx3111	100,000
818	TRAN DUY HAU	5305xxxx3114	117,646
819	NGUYEN KIM TIEN	4111xxxx7102	90,005
820	VO THI TUYET TRINH	4111xxxx8204	86,311
821	VUONG HAI YEN	4286xxxx9108	107,251
822	NGUYEN THI NHU TUYET	4286xxxx1106	80,800
823	DUONG THI THU HIEN	4286xxxx5109	161,383
824	NGUYEN DANG TRI	4111xxxx3107	100,000
825	NGUYEN THI NGOC THAO	4286xxxx9109	100,000
826	NGUYEN THI THAO	4111xxxx4108	136,721
827	VU NGOC LINH	4111xxxx2107	58,645
828	DINH VAN HUNG	4271xxxx4210	200,000
829	NGUYEN THI KIM PHUNG	4111xxxx8112	72,258
830	DO THI XUAN AN	4286xxxx0100	54,500
831	DOAN THI HANH	4111xxxx1106	181,986
832	DAO THI TUOI	4111xxxx2101	100,000
833	TRUONG THI HUYEN MY	4111xxxx2101	75,554
834	NGUYEN THI LAN ANH	4111xxxx2101	100,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
835	LE THI HUYEN	4286xxxx2102	500,000
836	MAI PHUOC THIEN	4286xxxx6107	61,200
837	LE HOANG AN	4111xxxx9104	65,365
838	LE DUY KHANH	4286xxxx1109	202,924
839	LE HANG THUY	4111xxxx0104	112,119
840	NGUYEN THI HIEU HANH	4286xxxx5119	64,215
841	BUI THU MAI	4286xxxx3100	50,854
842	NGUYEN THUY HAI DUONG	4286xxxx1102	100,000
843	TRAN DANG MINH	4286xxxx5104	66,978
844	DUONG THI ANH VAN	4286xxxx0106	50,000
845	LAM THI MY LE	4286xxxx4101	51,110
846	NGUYEN THI HONG CAM	4111xxxx5107	80,450
847	NGUYEN THI THOM	4286xxxx8107	100,000
848	NGUYEN THE DUNG	4271xxxx8101	108,885
849	VO HONG YEN MAI	4111xxxx6100	91,825
850	DUONG THI KIM CUONG	4286xxxx6101	100,000
851	TRINH THANH THAI	4286xxxx0106	60,300
852	TRINH THI TRUC GIANG	4111xxxx3107	83,913
853	NGUYEN THI LOI	4286xxxx9108	70,500
854	NGUYEN THI KHOE	4286xxxx3108	50,060
855	NGUYEN THI NHU LE	4286xxxx4115	100,000
856	TA QUYNH NGAN	5151xxxx9104	100,000
857	NGUYEN THIHUYNH NHUNG	4286xxxx0109	90,397
858	NGUYEN KHOA DIEU THU	4286xxxx7105	65,928
859	PHAM XUAN HONG CHAU	4111xxxx3103	246,837
860	DO MANH SON	4271xxxx5101	404,777
861	LE HO TO HANH	4286xxxx9104	69,465
862	TRINH LE HOANG YEN	4286xxxx2109	65,946
863	DUONG THI UYEN	4111xxxx0104	100,000
864	DUONG THI BICH HANH	4286xxxx1102	53,145
865	TRAN LONG	4286xxxx1105	100,000
866	NGUYEN THANH TAM	4111xxxx6102	165,850
867	NGUYEN THANH TAN	4111xxxx5107	59,906
868	NGO NGUYEN HONG LOAN	4111xxxx3103	93,772
869	PHAN DANG TRIEU	5305xxxx9101	123,000
870	DO THI LONG CHAU	4111xxxx4117	65,443
871	NGUYEN THI THANH THUY	4111xxxx8100	175,989
872	BUI THI THU HOAI	4111xxxx4109	51,532
873	HO THI HONG THAM	4286xxxx8105	57,981
874	BUI THE VINH	4111xxxx7100	70,035
875	NGUYEN T D THUY KIEU	4111xxxx7104	61,846
876	NGUYEN THANH SON	4111xxxx8100	60,813
877	HUYNH THI THUYET	4286xxxx9106	113,524
878	TA CHI MAI	4111xxxx3127	100,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
879	HOANG XUAN NAM	5305xxxx8116	200,000
880	NGUYEN PHI KHA	4286xxxx8107	100,000
881	LE THI THU HANG	4111xxxx6102	54,080
882	NGUYEN VAN CHAU	4286xxxx2104	85,255
883	NGUYEN NGOC THIEN	4111xxxx1100	57,954
884	MAI THI MY LE	4286xxxx0101	71,414
885	NGUYEN THI PHUONG DUY	4111xxxx0100	266,468
886	LE QUI QUOC KHANH	4111xxxx9109	150,420
887	NGUYEN THI TUYET MINH	4111xxxx5101	81,635
888	TRAN KIM NGAN	4111xxxx8108	100,000
889	NGO MY KIM	4111xxxx9105	100,000
890	KIM PHUOC LUAN	4286xxxx4108	95,942
891	TRANG ANH DUNG	4286xxxx9100	131,114
892	HOANG VIET DUNG	4286xxxx7106	54,658
893	HONG THI THUY TRANG	4286xxxx5116	67,470
894	TRAN THI MY NUONG	4286xxxx9100	155,054
895	VO THI HIEN	4286xxxx0102	53,576
896	HO THI DUNG	4286xxxx0104	75,455
897	HO THANH BAU	4286xxxx8108	69,865
898	TRUONG THI HONG HANH	4111xxxx4101	51,245
899	DO THI XUAN HONG	4111xxxx7109	100,000
900	TRAN HAI AN	4286xxxx3104	66,225
901	NGUYEN THI TUYEN	4111xxxx5100	59,995
902	TRAN THI KIM ANH	4286xxxx5104	98,980
903	NGUYEN T HOAI PHUONG	4286xxxx5109	56,635
904	PHAM THUY LIEU	4286xxxx3111	91,650
905	NGUYEN THANH	4111xxxx7106	72,755
906	NGUYEN THI QUYNH NGA	4286xxxx1107	56,888
907	NGUYEN THI HOANG DIEP	4286xxxx5109	100,000
908	NGUYEN CHI HIEU	4271xxxx0107	185,069
909	NGUYEN HOANG HIEN	4111xxxx5106	75,721
910	NGUYEN THI VIET AI	4111xxxx6100	100,000
911	NGUYEN THANH HOA	4111xxxx9109	82,663
912	LE VAN VUNG	4111xxxx9104	151,721
913	NGUYEN TU HAI	4286xxxx5105	76,673
914	TRAN NHON QUAN	4111xxxx6108	61,450
915	NGUYEN THI KIM HOA	4111xxxx2103	94,330
916	LAI THI THU HUONG	4286xxxx6108	51,049
917	NGUYEN VAN SAO	4286xxxx4105	100,000
918	VO THI MY	4286xxxx0109	50,365
919	DINH VAN PHUC	4111xxxx5107	62,810
920	KIEU THI NGUYEN TUYET	4286xxxx6107	65,488
921	DO THI ANH HONG	4286xxxx3109	80,272
922	NGUYEN THANH NAM	4286xxxx6108	54,918

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
923	DIEN QUANG HIEU	4111xxxx3106	59,740
924	HO NGOC NGA	4111xxxx3109	52,850
925	TRAN VAN LONG	4111xxxx7104	100,000
926	NGUYEN THI HOAI NAM	4111xxxx8102	100,000
927	TRAN THI TUYET NHUNG	4111xxxx0102	51,770
928	TONG LAM VY	4286xxxx4106	76,200
929	VU VAN HUNG	4111xxxx4108	59,689
930	DAO XUAN MANH	4271xxxx4129	200,000
931	HUYNH VAN SANG	4286xxxx9108	79,783
932	PHAM THI THU HOA	4111xxxx7108	58,960
933	NGUYEN THI KIM THANH	4111xxxx2103	100,000
934	BUI XUAN CUONG	4286xxxx6100	54,170
935	TRINH VU QUYNH NHU	4111xxxx3107	84,315
936	NGHIEM THI MAI TRANG	5151xxxx1109	73,540
937	PHAM THI BICH NGOC	4111xxxx2104	88,901
938	NGUYEN THI HA	4286xxxx2108	90,263
939	NGUYEN THI CAM HUONG	4111xxxx2105	65,125
940	LUU HAI LY	4286xxxx2109	50,881
941	BUI VAN DUNG	4111xxxx8103	100,000
942	NGUYEN THI MY DUNG	4111xxxx3108	100,000
943	NGUYEN THI THANH HA	4111xxxx0115	88,312
944	TO NGUYEN LAN TUYEN	4286xxxx6107	51,719
945	TRAN HAI YEN	4271xxxx5100	101,510
946	THAI NGOC THUY	4111xxxx3105	258,444
947	NGUYEN THI MONG NHI	4111xxxx2112	88,885
948	HO THI DOAN TRANG	4111xxxx4106	60,063
949	PHAN THI HONG PHUONG	4286xxxx3108	145,042
950	CHIEM CHINH	5305xxxx0200	167,300
951	HOANG NGOC MINH DANH	4286xxxx2105	52,935
952	LE THI THUY DUNG	4111xxxx3108	173,759
953	LE THI HONG THUY	4111xxxx7109	119,495
954	HO TRINH THUY VAN	4111xxxx8100	100,000
955	NGUYEN THUY HUONG	4111xxxx9105	173,745
956	TO VAN DANH	4111xxxx6119	51,411
957	BUI THI PHUONG TRANG	4271xxxx9106	400,000
958	PHAN VAN THANG	4271xxxx2104	200,000
959	NGUYEN THI THU HANG	5305xxxx5102	200,000
960	NGUYEN THI THANH HOAI	4286xxxx3105	55,772
961	DOAN QUANG TRUNG	4286xxxx3102	75,263
962	VU DUC DUY	4111xxxx5113	142,667
963	CHAU THI MY HANH	4111xxxx3105	56,055
964	NGUYEN THI HIEU	4286xxxx8100	115,896
965	DANG THI HUONG	4286xxxx5104	51,132
966	TRAN THI THU THAO	4111xxxx6107	136,595

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
967	VO THI LOAN	4286xxxx6113	90,980
968	PHAM THI NGOC LAN	4111xxxx7108	88,025
969	NGUYEN THI TO UYEN	5151xxxx6117	88,350
970	NGUYEN HAI DANG	4286xxxx7107	52,925
971	THIEU NGOC TRAM ANH	4286xxxx1103	100,000
972	BUI THUY HANG	4111xxxx0104	100,000
973	PHAM THI HAI MY	4111xxxx5104	100,000
974	VO THI TUONG HOA	4286xxxx6105	53,478
975	LE CAM LY	4286xxxx2102	64,855
976	VO THANH PHONG	4111xxxx3105	50,140
977	PHAM VAN TAM	4111xxxx8106	100,000
978	TRINH THI MY HUONG	4111xxxx5106	100,000
979	HUA TRONG NGHI	4111xxxx8104	61,285
980	LE NGOC BICH NGAN	5305xxxx2105	131,190
981	HUYNH THANH TAM	4286xxxx7100	225,614
982	NGUYEN THI THAO	5305xxxx8105	500,000
983	NGUYEN HOAI EM	4111xxxx4105	53,272
984	LAM THANH VAN	4111xxxx3109	100,000
985	NGO THUY DUNG	4286xxxx6107	100,000
986	NGUYEN VAN TAN	4111xxxx3104	72,820
987	VU THI HUONG	4271xxxx3109	200,000
988	PHAN NGOC QUANG	4286xxxx3103	158,622
989	CAO THI KIM NGAN	4111xxxx4106	66,074
990	NGUYEN HIEU THIEN	4111xxxx3100	100,000
991	NGUYEN BINH PHUONG	4111xxxx4103	500,000
992	PHAM NGOC QUANG	4111xxxx5100	100,000
993	TRAN THI PHUONG ANH	4286xxxx6105	100,000
994	TRAN THI HOA	4111xxxx8104	57,303
995	VU THANH TRUNG	4111xxxx9100	82,495
996	TRAN DINH TRI	4271xxxx2108	160,167
997	CHU HOANG LAN	4286xxxx5106	61,464
998	LE THI HA	4111xxxx1103	200,000
999	NGUYEN DUY PHUONG	4286xxxx4104	59,310
1000	NGUYEN THITHANH HUONG	4111xxxx0109	64,155
1001	NGUYEN HOANG ANH	4111xxxx1100	84,280
1002	DAO THI THUY HOA	4111xxxx3104	100,000
1003	HOANG DUC TAM	4286xxxx2103	75,111
1004	VU NHU HOAI	4111xxxx2105	92,315
1005	VO THI KIEU NHIEU	4111xxxx4103	100,000
1006	PHAM TRUNG KIEN	4111xxxx7110	168,892
1007	NGUYEN THI THANH THU	4111xxxx9107	100,000
1008	TRAN QUOC BAO	4111xxxx7107	67,791
1009	TRAN NGOC TRAN TRONG	4111xxxx1101	139,763
1010	NGUYEN THI TUYET MAI	4111xxxx7102	100,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
1011	TRUONG VAN THANH	4111xxxx7100	55,415
1012	NGUYEN VAN THIEU	4111xxxx4108	51,213
1013	DANG THI HOANG TRINH	4111xxxx0106	68,262
1014	HOANG THI THANH HIEN	4111xxxx9100	272,767
1015	NGUYEN NGOC DUY	4286xxxx2106	64,660
1016	HUYNH DANG Y NHI	4111xxxx2100	65,319
1017	MAI XUAN SANG	4111xxxx0100	61,275
1018	TRAN THI THU THAO	4286xxxx2100	77,445
1019	LE THI NGUYET ANH	4111xxxx6101	52,154
1020	LE DINH NAM	4286xxxx2100	100,000
1021	DANG THI HONG PHUONG	4286xxxx3109	243,710
1022	NGUYEN VIET HUNG	4111xxxx8106	50,515
1023	TRAN THI LE	4286xxxx7107	100,000
1024	NGUYEN HAI HA	4111xxxx4109	73,959
1025	NGUYEN DUY LONG	4111xxxx1102	69,356
1026	NGUYEN DO NGOC PHU	4111xxxx1109	459,000
1027	VO MINH SANG	4286xxxx3108	100,000
1028	LE THI THUY	4111xxxx3109	60,800
1029	TA THI THU HANG	4111xxxx5104	83,515
1030	HUYNH THI NGOC HUYEN	4111xxxx5107	186,765
1031	LUU THI THUY TRANG	4286xxxx0107	55,058
1032	VU THI HUE	4286xxxx7109	357,879
1033	NGO MINH HIEN	4111xxxx7103	72,605
1034	TRAN THI THU HIEN	4286xxxx6107	52,892
1035	LE VIET HUY	4286xxxx0105	100,000
1036	THANTRONGNGOCQUYNH	4271xxxx7114	308,893
1037	LE XUAN CAM	4286xxxx9100	58,830
1038	VU DUC HUNG	4286xxxx5104	61,210
1039	MAC BINH HUY	4271xxxx1109	101,791
1040	NGUYEN THI HUONG	4111xxxx5106	87,238
1041	PHAM NGOC ANH	4111xxxx3100	64,859
1042	PHAN THI KIM CHI	4111xxxx2109	81,545
1043	PHUNG THI LAN PHUONG	4111xxxx6103	55,490
1044	CHU THUY LINH	4111xxxx1106	59,492
1045	LAM DAO QUANG	5305xxxx0102	500,000
1046	NGUYEN THI THU THUY	4286xxxx3101	379,246
1047	PHAM TRUONG GIANG	5305xxxx2104	128,336
1048	VU VAN HOANG	4286xxxx4102	100,000
1049	HO HUYNH TRANG	4271xxxx1102	140,552
1050	NGUYEN PHUC TRUNG	4271xxxx2104	103,271
1051	DANG QUOC DUNG	4286xxxx8105	100,000
1052	TRAN THI THU PHUONG	4271xxxx8105	114,490
1053	NGUYEN T THANH PHUONG	4111xxxx8209	200,000
1054	TONG VAN KIEN	4286xxxx3108	100,000

STT	Tên KH	Số thẻ	Số tiền thưởng
1055	NGUYEN PH KIM HUONG	5151xxxx1101	170,705
1056	NGUYEN VAN NGHIEP	4111xxxx2104	54,591
1057	PHAM VAN SON	4286xxxx5102	94,315